

DỰ THẢO 1

LUẬT
PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Năm 2023

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /20.. /QH15

DỰ THẢO 1

**LUẬT
PHÒNG THỦ DÂN SỰ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Phòng thủ dân sự.*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định nguyên tắc, chính sách, hoạt động về phòng thủ dân sự, phòng thủ dân sự trong tình trạng khẩn cấp, lực lượng phòng thủ dân sự, quyền và nghĩa vụ của công dân; chế độ, chính sách và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng thủ dân sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thảm họa, sự cố* là biến động do thiên nhiên, dịch bệnh nguy hiểm hoặc do con người gây ra làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường trên phạm vi rộng lớn.

2. *Cấp độ thảm họa, sự cố* là mức độ nguy hiểm, nghiêm trọng của thảm họa, sự cố được phân loại theo thứ tự từ thấp đến cao làm cơ sở cho việc xác định biện pháp, nguồn lực huy động ứng phó thảm họa, sự cố và phân định trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc ứng phó thảm họa, sự cố.

3. *Phòng thủ dân sự* là một bộ phận của phòng thủ đất nước, bao gồm các biện pháp phòng ngừa, khắc phục hậu quả thảm họa do chiến tranh và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, bảo vệ Nhân dân, cơ quan,

tổ chức, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nền kinh tế quốc dân, môi trường, bảo vệ các giá trị vật chất và văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam.

4. *Công trình phòng thủ dân sự* là công trình do Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phục vụ cho phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả chiến tranh, thảm họa, sự cố được cấp có thẩm quyền cho phép.

5. *Phương châm "4 tại chỗ"* bao gồm chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ.

6. *Đối tượng dễ bị tổn thương* là nhóm người có đặc điểm và hoàn cảnh khiến họ có khả năng phải chịu nhiều tác động bất lợi hơn từ thảm họa, sự cố so với những nhóm người khác trong cộng đồng. Đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ đang mang thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, người khuyết tật, người bị bệnh hiểm nghèo và người nghèo.

7. *Tình trạng khẩn cấp về phòng thủ dân sự* là trạng thái cấp bách về chiến tranh, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh đe dọa nghiêm trọng an toàn, sinh mạng của người dân mà chính quyền, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban bố tình trạng khẩn cấp trong khoảng thời gian nhất định và trong phạm vi một phần hay toàn bộ lãnh thổ quốc gia; tạm đình chỉ thực hiện một số quyền và lợi ích của tổ chức, người dân; áp dụng những biện pháp cần thiết đặc biệt nhằm ứng phó khẩn cấp với chiến tranh, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ sự tồn tại của quốc gia, cộng đồng dân cư và sớm đưa cuộc sống trở lại bình thường.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động phòng thủ dân sự

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

2. Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức; tăng cường phối hợp, hỗ trợ giữa các bộ, ngành và chính quyền địa phương các cấp trong thực hiện các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.

3. Phòng thủ dân sự phải được chuẩn bị từ trước khi xảy ra thảm họa, sự cố; thực hiện phương châm phòng là chính; chủ động ứng phó kịp thời và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; phát huy vai trò của lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chỉ huy tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

4. Tăng cường, củng cố năng lực phòng thủ dân sự là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; kết hợp phòng thủ dân sự với bảo đảm quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, tài sản của nhân dân, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Kết hợp sử dụng kinh nghiệm truyền thống và tiến bộ khoa học công nghệ trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình.

6. Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố phải dựa trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro của thảm họa, sự cố; việc áp dụng các biện pháp và huy động nguồn lực trong phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố phải hợp lý, khả thi, hiệu quả, tránh lãng phí.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước trong phòng thủ dân sự

1. Huy động nguồn lực thực hiện công tác phòng thủ dân sự; mua sắm vật tư, trang thiết bị kỹ thuật và đầu tư xây dựng công trình phòng thủ dân sự.

2. Bảo vệ, hỗ trợ các đối tượng bị thiệt hại do thảm họa, sự cố, ưu tiên vùng thường xuyên chịu tác động của thảm họa, sự cố và đối tượng dễ bị tổn thương.

3. Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến và hiện đại vào các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố.

4. Nâng cao năng lực cho lực lượng phòng thủ dân sự. Tăng cường xã hội hóa các dịch vụ công và khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố. Tăng cường công tác truyền thông về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh tham gia các tổ chức quốc tế, gia nhập và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

Điều 5. Các dạng thảm họa, sự cố

1. Thảm họa chiến tranh.

2. Thảm họa tàu hỏa, tàu điện ngầm, tàu ngầm, tàu du lịch đường biển, đường thủy nội địa, tàu vận tải biển; thảm họa tàu bay.

3. Thảm họa, sự cố do thiên tai (động đất, sóng thần, siêu bão, nước biển dâng cao, hạn hán kéo dài diện rộng, xâm nhập mặn, lũ lụt...).

4. Thảm họa do dịch bệnh nguy hiểm.

5. Thảm họa, sự cố cháy rừng quốc gia.

6. Sự cố vỡ đê, hồ đập thủy điện, công trình thủy lợi quốc gia.

7. Sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân.

8. Sự cố môi trường.

9. Sự cố tràn dầu.

10. Sự cố cháy, nổ nhà máy hóa chất; cháy, nổ nhà máy điện, kho chất nổ, hạt nhân, các kho xăng dầu; cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn dầu, khí; cháy, nổ lớn khu chế xuất, khu công nghiệp, khu dân cư, khu đô thị, nhà cao tầng.

11. Sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng, hầm lò khai thác khoáng sản và hang động.

12. Sự cố tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng.

13. Sự cố an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

14. Các dạng thảm họa, sự cố khác.

Điều 6. Đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố

1. Đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố làm cơ sở cho việc xác định mức độ nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố, dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố, xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó và triển khai các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố phù hợp với cấp độ của thảm họa, sự cố.

2. Tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố:

a) Phạm vi ảnh hưởng của thảm họa, sự cố;

b) Đặc điểm địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội của khu vực, địa bàn chịu tác động trực tiếp hoặc có nguy cơ chịu ảnh hưởng của thảm họa, sự cố;

c) Tính chất, cường độ, mức độ nguy hiểm và tình hình diễn biến của thảm họa, sự cố;

d) Khả năng gây thiệt hại của thảm họa, sự cố đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, công trình hạ tầng, môi trường, gián đoạn nguồn cung cấp các dịch vụ cơ bản, thiết yếu, hệ thống thông tin liên lạc, y tế.

3. Tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố trong các lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về Bộ tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro đối với từng loại thảm họa, sự cố.

4. Hoạt động xác định, đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát, quan trắc, thu thập, cập nhật, theo dõi, giám sát, tổng hợp, xử lý thông tin về nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố;

b) Phân tích mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố thường gặp trên địa bàn; lập bản đồ nguy cơ hoặc bản đồ diễn biến của thảm họa, sự cố;

c) Cập nhật, liên thông và cung cấp dữ liệu về mức độ rủi ro của các loại thảm họa, sự cố.

Điều 7. Khoa học và công nghệ trong phòng thủ dân sự

1. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới và dữ liệu lớn để đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố, xác định mức độ nguy hiểm của thảm họa, sự cố, dự báo, cảnh báo tình hình thảm họa, sự cố,

chuẩn bị nguồn lực và thực hiện các biện pháp phù hợp nhằm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố.

2. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, vật liệu mới để đầu tư, xây dựng các công trình phòng thủ dân sự và công trình dân sinh, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố.

3. Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn trong quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

4. Quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố...

Điều 8. Hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự

1. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự:

a) Bảo đảm tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài và tổ chức quốc tế hợp tác trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố;

c) Ưu tiên hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; chia sẻ kinh nghiệm và phối hợp tìm kiếm cứu nạn; hợp tác đầu tư, xây dựng, nâng cấp công trình phòng thủ dân sự.

2. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự:

a) Hợp tác quốc tế về trao đổi thông tin, dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố;

b) Hợp tác quốc tế về tìm kiếm cứu nạn;

c) Hợp tác quốc tế về cứu trợ nhân đạo;

d) Hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Chống đối, cản trở, cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự của cơ quan hoặc người có thẩm quyền; từ chối tham gia tìm kiếm cứu nạn trong trường hợp điều kiện thực tế cho phép.

2. Sử dụng trang thiết bị phòng thủ dân sự khi chưa có lệnh hoặc sự đồng ý của cấp có thẩm quyền.

3. Cố ý gây thảm họa, sự cố làm tổn hại đến tính mạng, sức khỏe con người; gây thiệt hại tài sản của Nhà nước, Nhân dân, cơ quan, tổ chức; ảnh hưởng

đến môi trường, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng - an ninh; bỗn trốn sau khi gây thảm họa, sự cố; gây mất trật tự công cộng, tạo chướng ngại vật nguy hiểm, cản trở hoặc chống lại người thi hành nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

4. Làm hư hỏng, phá hủy, tháo gỡ, trộm cắp trang thiết bị, công trình phòng thủ dân sự.

5. Xây dựng và khai thác trái phép các công trình phòng thủ dân sự trong phạm vi quy hoạch công trình phòng thủ đã được phê duyệt và phạm vi công trình phòng thủ dân sự hiện có.

6. Xây dựng công trình làm giảm hoặc mất tác dụng của công trình phòng thủ dân sự.

7. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về quản lý phòng thủ dân sự; dung túng, bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự.

8. Nghiêm cấm việc lợi dụng tình trạng khẩn cấp để xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 10. Áp dụng pháp luật

1. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố được thực hiện theo quy định của Luật này và các luật khác có liên quan.

2. Trường hợp luật khác có quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố mà không trái với quy định tại Điều 3 của Luật này thì được thực hiện theo quy định của luật đó. Trường hợp luật khác không có quy định thì áp dụng quy định của Luật này.

CHƯƠNG II

HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Mục 1. HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ KHI TÌNH HÌNH BÌNH THƯỜNG

Điều 11. Xây dựng Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự

1. Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự được xây dựng theo chu kỳ 10 năm, tầm nhìn 20 năm và được cập nhật, điều chỉnh định kỳ 05 năm hoặc khi có thảm họa và chiến tranh.

2. Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự được xây dựng trên các cơ sở sau đây:

- a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng thủ dân sự, phòng thủ đất nước và phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh trong khu vực phòng thủ các cấp;
- b) Thực tiễn hoạt động phòng thủ dân sự của quốc gia;
- c) Kết quả xác định, đánh giá, phân vùng có nguy cơ thảm họa, sự cố;
- d) Nguồn lực cho hoạt động phòng thủ dân sự.

3. Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự gồm các nội dung chính: Quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp, biện pháp chương trình, đề án, dự án trọng điểm và việc tổ chức thực hiện phòng thủ dân sự trên phạm vi cả nước.

4. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự.

Điều 12. Xây dựng Kế hoạch phòng thủ dân sự

1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch

- a) Kế hoạch phòng ngừa thảm họa, sự cố được xây dựng theo chu kỳ 05 năm và được điều chỉnh hằng năm.
- b) Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.
- c) Đáp ứng yêu cầu phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hiệu quả các hậu quả của thảm họa, sự cố.

2. Nội dung Kế hoạch phòng thủ dân sự

- a) Đánh giá, cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, tình hình phát triển của các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng trên quy mô toàn quốc.
- b) Dự báo các tình huống thảm họa, sự cố có thể xảy ra.
- c) Xác định các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.
- d) Xác định nội dung phòng thủ dân sự cần lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc địa phương.
- đ) Xác định nguồn lực và tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng ngừa thảm họa, sự cố.
- e) Xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi kế hoạch phòng ngừa thảm họa, sự cố.

3. Xây dựng Kế hoạch quốc gia phòng thủ dân sự

- a) Căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các

địa phương xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Hàng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách, vì lý do quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan điều chỉnh kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, cấp tỉnh, huyện, xã:

a) Người đứng đầu bộ, ngành phê duyệt kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương.

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch phòng thủ dân sự của tỉnh.

c) Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã phê duyệt kế hoạch phòng thủ dân sự của huyện, xã mình.

Điều 13. Xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự

1. Hệ thống công trình phòng thủ dân sự:

a) Xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự ở từng cấp khi có chiến tranh phải gắn với thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ. Việc xây dựng công trình phòng ngừa thảm họa, sự cố phải tuân thủ quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại;

b) Hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm: Công trình dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động; công trình phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí thông thường, vũ khí hủy diệt lớn; công trình nghi trang, nghi binh; đường cơ động; hệ thống thiết bị phòng hóa tập thể; hệ thống thiết bị thông gió, lọc độc; hệ thống đê điều; hệ thống hồ chứa thủy lợi; hệ thống rừng đặc dụng phòng hộ; khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; hệ thống kho dự trữ quốc gia; công trình bảo vệ, cất giữ lương thực, thực phẩm, nguồn nước, thuốc y tế, vật tư, phương tiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự; công trình, phương tiện, trang thiết bị bảo đảm cho huấn luyện, diễn tập phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, tìm kiếm cứu nạn;

c) Việc xây dựng và nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác ở khu vực thường xuyên xảy ra thảm họa, sự cố phải tính đến nhu cầu kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thảm họa, sự cố;

d) Xây dựng hệ thống công trình phòng ngừa chiến tranh ở từng cấp phải gắn với thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ. Việc xây dựng công trình phòng ngừa chiến tranh phải tuân thủ quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Xây dựng hệ thống các công trình phòng thủ dân sự phải bảo đảm kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; triệt để tận dụng các hang động, địa hình, công trình nửa ngầm, công trình đường hầm, công trình ngầm làm hầm

trú ẩn cho nhân dân, cơ quan, tổ chức khi có nguy cơ xảy ra chiến tranh. Nhà nước có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài xây dựng các công trình ngầm để bảo đảm tính lưỡng dụng.

2. Tiêu chuẩn, qui chuẩn công trình phòng thủ dân sự; quy định việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật bảo đảm yêu cầu phòng thủ dân sự:

a) Chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng thủ dân sự, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác phải bảo đảm yêu cầu phòng thủ dân sự, bao gồm:

- Hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không làm tăng nguy cơ rủi ro thảm họa, sự cố và bảo đảm tính ổn định của công trình trước thảm họa, sự cố;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xây dựng và pháp luật về quy hoạch.

b) Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân khi xây dựng mới hoặc nâng cấp công trình, nhà ở áp dụng tiêu chuẩn có nội dung bảo đảm yêu cầu phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố;

c) Tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình phải có nội dung bảo đảm yêu cầu phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố.

3. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự

Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng thủ dân sự trong hồ sơ dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng thủ dân sự, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trước khi phê duyệt dự án và quyết định đầu tư.

Điều 14. Trang thiết bị, vật tư phục vụ phòng thủ dân sự

1. Danh mục trang thiết bị, vật tư phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Trang thiết bị phòng, chống chiến tranh: Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương tổng hợp danh mục các loại phương tiện, trang bị, thiết bị, vật tư bảo đảm cho hoạt động phòng, chống chiến tranh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; đồng thời hướng dẫn việc sản xuất, dự trữ, sử dụng trong huấn luyện, diễn tập và khi có tình huống xảy ra.

b) Trang thiết bị trung tâm điều hành về dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động và trang thiết bị phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ: Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Định mức trang bị phòng thủ dân sự bảo đảm cho các đơn vị chuyên trách, kiêm nhiệm.

3. Định mức trang bị phòng thủ dân sự dự trữ.

4. Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Tiếp nhận, xác minh, đánh giá, theo dõi, giám sát thảm họa, sự cố

1. Hoạt động xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thảm họa, sự cố; theo dõi, giám sát thảm họa, sự cố bao gồm:

a) Quan trắc, thu thập, cập nhật, theo dõi, giám sát, tổng hợp, xử lý thông tin từ hệ thống quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu về thảm họa, sự cố;

b) Đánh giá rủi ro, phân vùng rủi ro thảm họa, sự cố; lập bản đồ cảnh báo thảm họa, sự cố;

c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về thảm họa, sự cố cho Ban chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự, bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương phục vụ cho việc chỉ đạo, triển khai hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

2. Sử dụng số điện thoại 112 để tiếp nhận thông tin về thảm họa, sự cố, các thiệt hại đã xảy ra, yêu cầu trợ giúp, tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn quốc; thiết lập hệ thống thông tin liên lạc tại Trung tâm Quốc gia điều hành tìm kiếm, cứu nạn và tại các tỉnh, thành phố để tiếp nhận thông tin về các tình huống khẩn cấp trên phạm vi toàn quốc.

Địa chỉ, số fax, thư điện tử của cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 16. Tuyên truyền, giáo dục về phòng thủ dân sự

1. Công dân được tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng thủ dân sự; trang bị kiến thức về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về phòng thủ dân sự được đưa vào môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường, chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phổ

cập kiến thức cơ bản cho toàn dân về phòng thủ dân sự, phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố.

Điều 17. Đào tạo, huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự

1. Quy định nội dung chương trình đào tạo phòng thủ dân sự tại các nhà trường, học viện.

2. Quy định nội dung chương trình, thời gian huấn luyện phòng thủ dân sự cho các lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm, rộng rãi.

a) Thời gian huấn luyện phòng thủ dân sự của lực lượng chuyên trách theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

b) Thời gian huấn luyện phòng thủ dân sự của lực lượng kiêm nhiệm theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Quy định diễn tập phòng thủ dân sự tại các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

Các bộ, ngành trung ương, địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự 01 lần/05 năm.

Mục 2. HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ KHI CÓ NGUY CƠ XÂY RA THẨM HỌA, SỰ CỐ

Điều 18. Thông tin khi có nguy cơ thảm họa, sự cố

1. Thông tin nguy cơ thảm họa, sự cố phải truyền tin kịp thời, chính xác, phù hợp với nhu cầu của nhiều đối tượng được chuyển tải bằng ngôn ngữ phổ thông (tiếng Việt), đặc biệt quan tâm đến đối tượng dễ bị tổn thương và trong trường hợp cần thiết được chuyển tải bằng ngôn ngữ dân tộc.

2. Nội dung chính của bản tin dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố bao gồm: loại thảm họa, sự cố, cường độ, cấp độ rủi ro thảm họa, sự cố, vị trí, tọa độ hiện tại và dự báo diễn biến của thảm họa, sự cố.

3. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam có trách nhiệm thông tin, truyền tin, tuyên truyền, cảnh báo nguy cơ thảm họa theo quy định của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (Bộ Thông tin và Truyền thông).

4. Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế thông tin, truyền tin, tuyên truyền, cảnh báo về nguy cơ thảm họa, sự cố.

Điều 19. Các biện pháp được áp dụng khi có nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố

1. Nguy cơ sự cố, thảm họa được phân thành 02 mức độ: có nguy cơ, nguy cơ cao.

2. Các biện pháp áp dụng khi có nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố gồm:

- a) Kiên toàn, bổ sung thành phần kíp trực, tăng cường theo dõi các khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm;
- b) Sẵn sàng triển khai thiết lập sở chỉ huy, tiếp nhận các lực lượng được trên tăng cường;
- c) Nắm chắc diễn biến tình hình; nhận định đánh giá, báo cáo kịp thời; bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị;
- d) Thông báo cho các đơn vị hiệp đồng những tin tức có liên quan;
- đ) Tăng cường bảo đảm thông tin liên lạc cho các lực lượng ở nơi có khả năng nguy cơ thảm họa, sự cố xảy ra. Chuẩn bị tiếp nhận nhân lực, cơ sở hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin;
- e) Kiểm tra khu vực sơ tán, khu tập kết để sẵn sàng cơ động khi chuyển lên trạng thái ứng phó thảm họa, sự cố cao hơn;
- g) Các đơn vị ở nơi trọng yếu có thể triển khai trước một bộ phận ở khu vực phải di dời, khu vực tập kết và sẵn sàng thực hiện ngay nhiệm vụ;
- h) Các đơn vị kiểm tra trang bị, phương tiện hiện có; nguyên nhiên liệu, vật tư ở nơi trọng yếu; sẵn sàng đề nghị tăng cường, bổ sung khi cần thiết;
- i) Chuẩn bị cơ sở hậu cần, kỹ thuật nơi tiếp nhận các lực lượng, tập kết nơi làm việc, sinh hoạt của nhân dân.

3. Khi có nguy cơ cao xảy ra thảm họa, sự cố, ngoài các biện pháp quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp sau:

- a) Các đơn vị chuyên trách, kiêm nhiệm của địa phương và các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ngành trung ương ở trên địa bàn duy trì tối thiểu 1/2 quân số trực;
- b) Đề nghị tăng cường lực lượng, trang thiết bị, phương tiện nếu thấy cần thiết.

Điều 20. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện

1. Biện pháp tăng cường theo dõi, giám sát nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố
2. Tổ chức lực lượng trực sẵn sàng ứng phó thảm họa, sự cố.
3. Rà soát, điều chỉnh các phương án huy động lực lượng, phương tiện để ứng phó thảm họa, sự cố.
4. Đầu tư mua sắm các loại trang thiết bị, kết hợp trưng dụng trang thiết bị của cơ quan, tổ chức và của Nhân dân. Có kế hoạch huy động bảo đảm hậu cần tại chỗ.

Điều 21. Tổ chức lãnh đạo, chỉ huy

1. Căn cứ tiêu chí đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố và kết quả hoạt động xác định, đánh giá mức độ rủi ro về thảm họa, sự cố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xác định mức độ nguy cơ của sự cố, thảm họa để tổ chức lãnh đạo, chỉ huy và áp dụng biện pháp phù hợp với khả năng của địa phương; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên.

2. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự địa phương chuẩn bị phương án ứng phó; phân công cán bộ kiểm tra địa bàn có nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố.

Mục 3. HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ KHI XÂY RA THẢM HỌA, SỰ CỐ

Điều 22. Phân loại cấp độ thảm họa, sự cố

Trừ trường hợp luật chuyên ngành có quy định khác, thảm họa, sự cố được phân loại như sau:

1. Thảm họa, sự cố cấp độ 1 là tình huống xảy ra thảm họa, sự cố làm thiệt hại hoặc đe dọa làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường trên một khu vực nhất định, không có khả năng phát tán, lan rộng sang các khu vực khác.

2. Thảm họa, sự cố cấp độ 2 là tình huống xảy ra thảm họa, sự cố làm thiệt hại hoặc đe dọa làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường trên một khu vực nhất định, có khả năng phát tán, lan rộng hoặc tác động, ảnh hưởng sang các khu vực khác.

3. Thảm họa, sự cố cấp độ 3 là tình huống xảy ra thảm họa, sự cố làm thiệt hại hoặc đe dọa làm thiệt hại rất nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường xảy ra trên địa bàn một hoặc nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có khả năng phát tán, lan rộng hoặc tác động, ảnh hưởng sang các địa bàn khác.

4. Thảm họa, sự cố cấp độ 4 (tình trạng khẩn cấp) là tình huống xảy ra thảm họa, sự cố trên địa bàn một hoặc nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc trên phạm vi toàn quốc, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng đến nền kinh tế quốc dân, tài sản, tính mạng, sức khỏe của Nhân dân, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của đất nước và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban bố tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

Điều 23. Thẩm quyền công bố cấp độ thảm họa, sự cố

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền công bố thảm họa, sự cố cấp độ 1 và 2, trừ thảm họa chiến tranh, siêu bão... Chính phủ công bố cấp độ thảm họa,

sự cố đối với thảm họa chiến tranh, siêu bão và cấp độ 3 đối với các dạng thảm họa khác.

Chính phủ quy định cụ thể về trình tự, thủ tục quyết định cấp độ thảm họa, sự cố 1, 2 và 3.

2. Thảm quyền, trình tự, thủ tục ban bố, công bố, bãi bỏ và áp dụng các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp thực hiện theo quy định tại Chương III Luật này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 24. Huy động lực lượng, phương tiện

1. Bộ Quốc phòng quyết định huy động lực lượng Quân đội và Dân quân tự vệ, vật tư, trang bị, phương tiện thuộc quyền quản lý và quyết định nhân lực, vật tư, phương tiện theo quy định của Luật Quốc phòng và Luật Dân quân tự vệ để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh.

2. Người đứng đầu bộ, ngành trung ương, quyết định huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang bị thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi quyền hạn và lĩnh vực được phân công.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định huy động lực lượng của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân, các loại vật tư, trang bị, phương tiện của địa phương theo thẩm quyền. Tổ chức hiệp đồng các lực lượng thuộc quyền và các lực lượng đến chi viện thống nhất kế hoạch sử dụng lực lượng, chuẩn bị vật tư, trang bị, phương tiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn quản lý.

4. Phương tiện, tài sản được huy động để thực hiện phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thảm họa; trường hợp bị mất, hư hỏng thì được bồi thường theo quy định của Luật trung mua, trung dụng tài sản.

Điều 25. Phân công trách nhiệm ứng phó thảm họa, sự cố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thảm họa, sự cố xảy ra trên địa bàn, trừ thảm họa chiến tranh, siêu bão; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan cấp trên. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện, cấp tỉnh hỗ trợ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thảm họa, sự cố trong trường hợp thảm họa, sự cố xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận

được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ thảm họa chiến tranh, siêu bão; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng thủ dân sự cấp trên.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó sự cố, thảm họa cấp độ 2; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thảm họa, sự cố tại địa phương, trừ thảm họa chiến tranh, siêu bão; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự hỗ trợ.

4. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự chỉ đạo các địa phương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3 và thảm họa chiến tranh, siêu bão; quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để hỗ trợ các địa phương khi có yêu cầu.

5. Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thảm họa, sự cố theo sự chỉ đạo và huy động của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự.

Điều 26. Các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1, 2, 3

1. Tùy theo mức độ, tình hình thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 1 sau:

a) Sơ tán nhân dân, phân tán tài sản của Nhà nước và nhân dân đến khu vực an toàn; bảo đảm trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân, lương thực thực phẩm, nước uống và các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho người trong khu vực xảy ra thảm họa;

b) Sơ cứu, chuyển nạn nhân đến các cơ sở y tế gần nhất;

c) Tiếp tế nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, thuốc y tế và các vật chất cần thiết khác đến các khu vực bị nạn, kịp thời cứu trợ và bảo đảm đời sống, sinh hoạt cho nhân dân ở những vùng, khu vực bị chia cắt do thảm họa gây ra;

d) Ưu tiên chuyên chở vật tư, nguyên liệu, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, hóa chất xử lý dịch bệnh, lương thực, thực phẩm, hàng hóa cần thiết đến những nơi bị thảm họa, sự cố;

đ) Tìm kiếm cứu nạn và tăng cường bảo vệ công trình phòng thủ dân sự đang bị sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra nguy hiểm;

e) Hạn chế người, phương tiện không có nhiệm vụ vào những khu vực nguy hiểm; đặt biển báo hiệu, trạm gác và hướng dẫn việc đi lại tránh khu vực nguy hiểm;

g) Áp dụng các quy định đặc biệt về thông tin liên lạc và sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc;

h) Thực hiện vệ sinh môi trường sống, phòng chống dịch bệnh ở nơi có thảm họa;

i) Bảo đảm an ninh trật tự; tăng cường các biện pháp phòng, chống cháy, nổ;

k) Áp dụng các biện pháp khác khi có thảm họa, sự cố theo quy định của pháp luật.

2. Tùy theo mức độ, tình hình thực tế, ngoài các biện pháp ứng phó ở cấp độ 1, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 2 sau:

a) Tổ chức cách ly y tế, theo dõi, điều trị các trường hợp nhiễm bệnh;

b) Hạn chế đưa hàng hóa, vật phẩm, động vật, thực vật, thực phẩm, đồ uống có khả năng truyền dịch bệnh ra khỏi vùng dịch bệnh;

c) Các phương tiện vận tải trước khi ra khỏi vùng dịch phải được kiểm dịch, xử lý y tế và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch để di chuyển đến nơi khác;

d) Kiểm tra chặt các cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng, đóng cửa các cơ sở phát hiện có tác nhân gây dịch bệnh;

đ) Khuyến nghị thực hiện giãn cách xã hội căn cứ theo mức độ nguy cơ với từng khu vực trên địa bàn;

e) Khuyến nghị chuyển đổi hình thức hoặc tạm dừng hoạt động trường học, hoạt động công cộng, cơ sở vui chơi, giải trí, tập trung đông người, các hoạt động kinh doanh dịch vụ không thiết yếu;

g) Giảm quy mô lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, hoạt động văn hóa nghệ thuật, sự kiện có tập trung đông người tại nơi công cộng, sân vận động và các sự kiện lớn theo mức độ nguy cơ với từng khu vực trên địa bàn;

h) Tăng cường kiểm soát đối với việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

i) Áp dụng các biện pháp khác khi có thảm họa, sự cố theo quy định của pháp luật.

3. Tùy theo mức độ, tình hình thực tế, ngoài các biện pháp ứng phó cấp độ 1 và 2, Chính phủ quyết định hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó thảm họa, sự cố cấp độ 3 sau:

a) Áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội căn cứ theo mức độ nguy cơ với từng khu vực trên địa bàn;

- b) Tạm dừng một số hoặc tất cả hoạt động trường học, hoạt động công cộng, cơ sở vui chơi, giải trí, tập trung đông người, các hoạt động kinh doanh dịch vụ không thiết yếu trong khu vực xảy ra thảm họa, sự cố;
- c) Dừng các hoạt động lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, hoạt động văn hóa nghệ thuật, sự kiện có tập trung đông người tại nơi công cộng, sân vận động và các sự kiện lớn chưa cần thiết;
- d) Tạm thời đóng các đường mòn, lối mở; không khuyến khích giao thương, giao lưu với các nước láng giềng nơi có hoặc tiềm ẩn nguy cơ dịch bệnh;
- d) Hạn chế việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; tạm dừng việc xuất cảnh, nhập cảnh đối với một số trường hợp đã được cấp thị thực nếu thấy việc tạm dừng là cần thiết để bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ sức khỏe cộng đồng;
- e) Hạn chế các chuyến vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ nếu xét thấy không thật sự cấp thiết ra vào địa bàn xảy ra thảm họa, sự cố.
- f) Áp dụng các biện pháp khác khi có thảm họa, sự cố theo quy định của pháp luật.

Mục 4. HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 27. Ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; nguyên tắc tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp

Việc ban bố, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; nguyên tắc tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp được thực hiện theo quy định tại Hiến pháp và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Điều 28. Tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp

1. Thủ tướng Chính phủ tổ chức và chỉ đạo thi hành Nghị quyết của UBTQH hoặc Lệnh của Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp, có quyền quyết định việc áp dụng các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp, đồng thời quyết định các cơ quan, tổ chức hoặc người có trách nhiệm thi hành các biện pháp đó.

2. Khi tình trạng khẩn cấp được ban bố, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban chỉ đạo/Ban chỉ huy về tình trạng khẩn cấp để giúp Thủ tướng Chính phủ triển khai thi hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc

Lệnh của Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp; quy định chế độ làm việc của Ban chỉ đạo/Ban chỉ huy.

Căn cứ vào phạm vi địa bàn được ban bố tình trạng khẩn cấp, Thủ tướng Chính phủ có thể tự mình hoặc chỉ định một Phó Thủ tướng hoặc một Bộ trưởng làm Trưởng Ban chỉ đạo.

3. Ban chỉ đạo giải thể khi tình trạng khẩn cấp được bãi bỏ, trừ trường hợp Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước bãi bỏ tình trạng khẩn cấp có quy định khác.

4. Chấp hành quy định về tình trạng khẩn cấp

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về tình trạng khẩn cấp, tuân thủ tuyệt đối Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các mệnh lệnh, quyết định của các cơ quan tổ chức, người thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp để nhanh chóng ổn định tình hình, khôi phục trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng của nhân dân, bảo vệ tài sản Nhà nước và của nhân dân.

b) Nghiêm cấm việc lợi dụng tình trạng khẩn cấp để xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

c) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về tình trạng khẩn cấp, phối hợp và giúp đỡ các cơ quan, tổ chức, người thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp về giám sát việc thi hành các quy định về tình trạng khẩn cấp.

Điều 29. Lực lượng thi hành các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp

1. Lực lượng thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp trong trường hợp thảm họa, sự cố, dịch bệnh nguy hiểm bao gồm:

- a) Các lực lượng cứu hộ, cứu nạn;
- b) Cán bộ, nhân viên y tế;
- c) Cán bộ, nhân viên các cơ quan bảo vệ môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- d) Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, giao thông công chính, thông tin liên lạc;
- đ) Các lực lượng khác được Ban chỉ đạo huy động hoặc tình nguyện tham gia khắc phục hậu quả thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm.

2. Lực lượng thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp để bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội gồm:

- a) Các đơn vị lực lượng vũ trang tại địa bàn có tình trạng khẩn cấp; đơn vị lực lượng vũ trang được điều động theo lệnh của Chủ tịch nước;

b) Công an xã, dân quân, tự vệ, giao thông công chính, thông tin liên lạc, y tế, văn hoá - thông tin thuộc địa bàn có tình trạng khẩn cấp;

c) Các lực lượng được điều động theo quyết định của Ban chỉ huy tình trạng khẩn cấp từ các cơ quan, tổ chức ở trung ương hoặc các địa phương khác tới địa bàn có tình trạng khẩn cấp.

Điều 30. Huy động các lực lượng và phương tiện bổ sung để đảm bảo chế độ tình trạng khẩn cấp

Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng chính phủ đề nghị Chủ tịch nước điều động các lực lượng vũ trang đến địa bàn có tình trạng khẩn cấp để hỗ trợ các lực lượng tại chỗ cứu hộ, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố, dịch bệnh hoặc để ổn định, duy trì an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Điều 31. Các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp

1. Khi thảm họa, thiên tai, dịch bệnh lớn đã công bố tình trạng khẩn cấp có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

a) Cấm hoặc hạn chế người, phương tiện không có nhiệm vụ vào nơi có thảm họa, sự cố;

b) Áp dụng các biện pháp phong toả, hạn chế tụ tập đông người;

c) Cấm người, phương tiện đi lại vào những giờ nhất định tại những khu vực nhất định, trừ trường hợp được phép theo quy định của người có thẩm quyền tổ chức thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp;

d) Áp dụng những biện pháp quản lý đặc biệt đối với chất cháy, chất nổ, hoá chất độc hại, chất phóng xạ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức và cá nhân;

đ) Áp dụng các biện pháp quản lý đặc biệt đối với việc sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc;

e) Buộc những người có thể gây ra thảm họa, sự cố rời khỏi địa bàn có tình trạng khẩn cấp hoặc không được rời khỏi nơi thường trú hoặc một khu vực nhất định khác;

f) Tạm dừng hoạt động trường học, hoạt động công cộng, cơ sở vui chơi, giải trí, các hoạt động kinh doanh dịch vụ không thiết yếu;

g) Dừng các hoạt động lễ hội, nghi lễ tôn giáo, giải đấu thể thao, sự kiện có tập trung đông người tại nơi công cộng, sân vận động và các sự kiện lớn;

h) Đinh chỉ các chuyến vận chuyển bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt và đường bộ xét thấy không thật cấp thiết ra vào địa bàn có tình trạng khẩn cấp; chỉ định sân bay hạ cánh cho tàu bay, hải cảng cập bến cho tàu thuyền, nhà ga cho tàu hỏa, điểm đỗ cho ôtô và các phương tiện giao thông khác, kiểm soát chặt chẽ các chuyến bay quá cảnh qua địa bàn có tình trạng khẩn cấp;

i) Huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để phục vụ cho việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp. Trong trường hợp cần thiết thì trung dụng phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Ngoài những biện pháp nêu trên, trong trường hợp cần thiết, có thể áp dụng các biện pháp thích hợp khác theo quyết định của Chính phủ.

Điều 32. Các biện pháp, chính sách áp dụng trong tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm

1. Trong địa bàn có tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm, ngoài các biện pháp quy định tại Điều 37 của Luật này, có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

a) Hạn chế hoặc tạm đình chỉ các hoạt động vận chuyển bằng đường hàng không, đường thuỷ, đường sắt, đường bộ qua địa bàn trong tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm.

b) Kiểm soát giá bán đối với một số mặt hàng thiết yếu; tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp buôn lậu, gian lận thương mại, đầu cơ găm hàng, gây khan hiếm giả tạo, sản xuất hàng giả, hàng nhái trên thị trường, nhất là các mặt hàng thiết yếu phục vụ phòng, chống dịch bệnh;

c) Đặt các trạm canh gác và kiểm soát, kiểm tra các vật phẩm, hành lý, phương tiện, giấy tờ của người qua lại các trạm canh gác và kiểm soát;

d) Tổ chức các đội công tác chống dịch khẩn cấp thuộc cơ quan y tế, cơ quan kiểm dịch; xây dựng các bệnh viện dã chiến để ứng phó dịch bệnh;

e) Giãn cách xã hội căn cứ theo mức độ nguy cơ của vùng có dịch bệnh; giữ khoảng cách nơi công cộng;

f) Tạm thời đóng các lối mở biên giới; không khuyến khích giao thương, giao lưu với các nước láng giềng nơi có hoặc tiềm ẩn nguy cơ dịch bệnh;

g) Không tổ chức các cuộc họp, hội nghị đông người; tạm dừng tiếp nhận trực tiếp hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến; tăng cường tổ chức họp trực tuyến.

2. Ngoài những biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp cần thiết, có thể áp dụng các biện pháp thích hợp khác trong trường hợp tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm và các biện pháp khác theo quyết định của Chính phủ.

Điều 33. Bảo đảm hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc các ngành điện, nước, bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, vệ sinh, y tế

Các cơ quan, đơn vị thuộc các ngành điện, nước, bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, vệ sinh, y tế phải đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục trong thời gian có tình trạng khẩn cấp.

Điều 34. Biện pháp xử lý người bị bắt, tạm giữ trong tình trạng khẩn cấp

1. Đối với người bị bắt hoặc bị tạm giữ theo quy định của pháp luật thì việc xử lý được thực hiện theo thủ tục tố tụng hình sự hoặc thủ tục xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

2. Đối với người bị bắt theo lệnh của Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt, thì việc xử lý được thực hiện như sau:

a) Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt hoặc người có thẩm quyền phải kịp thời lập biên bản, lấy lời khai của người bị bắt;

b) Chậm nhất là bốn mươi tám giờ kể từ khi bắt, đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt phải chuyển giao người bị bắt cùng toàn bộ hồ sơ, vật chứng cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự nếu xét thấy có dấu hiệu của tội phạm; trong trường hợp hành vi vi phạm của người bị bắt chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng phải bị xử phạt hành chính thì Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt chuyển giao người đó cùng toàn bộ hồ sơ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền để xử phạt hành chính; nếu Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt là người có thẩm quyền xử phạt hành chính thì quyết định xử phạt theo thẩm quyền;

c) Người bị bắt và bị xử phạt hành chính do vi phạm quy định pháp luật về tình trạng khẩn cấp trong luật này nếu có giấy tờ tuỳ thân hợp lệ, thì được trả tự do ngay sau khi hết thời gian tạm giữ, trong trường hợp người bị bắt không có giấy tờ tuỳ thân thì bị tạm giữ cho đến khi xác minh được về nhân thân của người đó nhưng không quá bảy mươi hai giờ;

d) Trong thời gian chưa được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý hoặc được trả tự do theo quy định tại điểm b của khoản này, người bị bắt được tạm giữ tại trụ sở Đội tuần tra đặc biệt.

Điều 35. Áp dụng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đặc biệt về hành chính, tư pháp trong tình trạng khẩn cấp

1. Tại địa bàn có tình trạng khẩn cấp, nếu các Tòa án không thể thực hiện hoạt động xét xử thì việc chuyển vụ việc sang Tòa án khác để xét xử do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

2. Trường hợp kéo dài hoặc rút ngắn thủ tục tố tụng trong tình trạng khẩn cấp do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

3. Trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính trong tình trạng khẩn cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Những việc cần làm ngay sau khi bãi bỏ tình trạng khẩn cấp

1. Uỷ ban nhân dân các cấp tại địa bàn có tình trạng khẩn cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan khác có trách nhiệm áp dụng các biện pháp để giúp đỡ nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống, phục vụ sản xuất.
2. Người bị bắt, giam, giữ trái pháp luật hoặc bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật khác của người có thẩm quyền gây ra được khôi phục danh dự, quyền lợi, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan đã trung dụng phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp dành và ưu tiên chuyên chở vật tư, nguyên liệu, thuốc phòng bệnh, chữa bệnh, hoá chất xử lý dịch bệnh, lương thực, thực phẩm, hàng hoá cần thiết đến những nơi bị thảm họa và trường hợp huy động nhân lực, vật tư, phương tiện để phục vụ cho việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp phải trả ngay phương tiện, tài sản đó cho chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng hợp pháp.

Trong trường hợp phương tiện, tài sản bị mất mát hoặc bị hư hại thì cơ quan đã trung dụng có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Phương án giải quyết hoàn trả, bồi thường phương tiện, tài sản đã trung dụng sau khi tình trạng khẩn cấp được bãi bỏ

1. Sau khi tình trạng khẩn cấp được bãi bỏ, các cơ quan đã trung dụng phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thời gian có tình trạng khẩn cấp có trách nhiệm hoàn trả ngay phương tiện, tài sản đó cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng hợp pháp; trong trường hợp cơ quan trung dụng bị giải thể, thì trước khi giải thể, cơ quan đó có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ về trung dụng và các phương tiện, tài sản bị trung dụng chưa kịp hoàn trả cho ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi lưu giữ phương tiện, tài sản đó để tiếp tục giải quyết việc hoàn trả.

2. Trong trường hợp phương tiện, tài sản bị mất mát, hư hỏng hoặc không thể hoàn trả lại được, thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có phương tiện, tài sản đó được bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Kinh phí bồi thường được cấp từ ngân sách nhà nước.

4. Bộ Tài Chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan hướng dẫn thi hành quy định tại Điều này.

Mục 5. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THẨM HỌA, SỰ CỐ

Điều 38. Hoạt động khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố

1. Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân.
2. Thống kê, đánh giá thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả.
3. Cung ứng, hỗ trợ vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường.
4. Tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, ổn định đời sống nhân dân, phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh.
5. Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng ngừa thảm họa, sự cố, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

Điều 39. Thông kê, đánh giá thiệt hại

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm báo cáo chính xác thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra trong phạm vi quản lý với cơ quan phòng thủ dân sự cấp xã, cơ quan chủ quản.
2. Cơ quan phòng thủ dân sự cấp xã có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên.
3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại; kiểm tra kết quả đánh giá thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi cơ quan phòng thủ dân sự trung ương để tổng hợp.
4. Đơn vị phòng thủ dân sự tại bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại do thiên tai báo cáo Ban chỉ đạo trung ương để phục vụ công tác chỉ đạo.
5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra trong phạm vi quản lý và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn để tổng hợp.

Điều 40. Hình thức, đối tượng và nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

1. Cứu trợ khẩn cấp được quy định như sau:
 - a) Cứu trợ khẩn cấp được thực hiện trong và ngay sau khi thảm họa, sự cố xảy ra, tập trung vào thực hiện hoạt động hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc

chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thảm họa, sự cố;

b) Đối tượng được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;

c) Nguồn lực cho cứu trợ khẩn cấp bao gồm lương thực, hàng hóa, thuốc chữa bệnh, hóa chất xử lý nước và môi trường thuộc dự trữ quốc gia; kinh phí dự phòng hàng năm từ ngân sách nhà nước; Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân; hỗ trợ từ quốc tế.

2. Hỗ trợ trung hạn được quy định như sau:

a) Hỗ trợ trung hạn được thực hiện tiếp theo cứu trợ khẩn cấp, tập trung vào hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất; cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện các biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường; sửa chữa, khôi phục trụ sở, công trình phòng, chống thảm họa, sự cố, giao thông, thông tin, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng thiết yếu khác bị thiệt hại;

b) Đối tượng được hỗ trợ trung hạn bao gồm tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại; cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang; đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp có công trình quy định tại điểm a khoản này;

c) Nguồn lực cho hỗ trợ trung hạn bao gồm lương thực, hàng hóa dự trữ của Nhà nước; ngân sách nhà nước; Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân; hỗ trợ từ quốc tế.

3. Hỗ trợ dài hạn được quy định như sau:

a) Hỗ trợ dài hạn được thực hiện tiếp theo hỗ trợ trung hạn, tập trung vào việc sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thảm họa, sự cố, giao thông, công trình hạ tầng công cộng; tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thảm họa, sự cố;

b) Đối tượng được hỗ trợ dài hạn bao gồm tổ chức, cá nhân, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp hoạt động công ích bị thiệt hại do thảm họa, sự cố gây ra;

c) Nguồn lực cho hỗ trợ dài hạn bao gồm ngân sách nhà nước và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân; hỗ trợ từ quốc tế;

d) Ủy ban nhân dân các cấp căn cứ vào tình hình thiệt hại và mức độ thảm họa, sự cố ở địa phương xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực thực hiện.

Điều 41. Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

1. Nguyên tắc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ được quy định như sau:

a) Việc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ phải tuân theo quy định của pháp luật, căn cứ vào mức độ thiệt hại, chia sẻ thông tin và phối hợp với chính quyền địa phương nơi có đối tượng được hỗ trợ để bảo đảm công bằng, công khai và tránh trùng lặp;

b) Việc cứu trợ cần tập trung đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Thẩm quyền huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền huy động nguồn lực của Nhà nước theo thẩm quyền để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về dự trữ quốc gia; việc hỗ trợ dài hạn thực hiện theo kế hoạch hàng năm;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam vận động quyên góp và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội chữ thập đỏ các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tiếp nhận và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn;

c) Tổ chức, cá nhân được phép quyên góp từ cộng đồng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi được hỗ trợ để thực hiện cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn.

3. Chính phủ quy định cụ thể việc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

Điều 42. Các biện pháp đặc biệt hỗ trợ ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố cấp độ 3 và cấp độ 4

Trong tình huống xảy ra thảm họa, sự cố cấp độ 3 và cấp độ 4 (tình trạng khẩn cấp), ngoài việc áp dụng các biện pháp đặc biệt hỗ trợ ứng phó, khắc phục thảm họa cấp độ 1 và cấp độ 2, Chính phủ xem xét, quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp, chính sách sau đây nhằm hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thảm họa, sự cố và bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, gồm:

1. Chính sách về thuế: Giảm trừ, gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân; giãn thuế, giảm

thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, nguyên liệu đầu vào nhập khẩu vì mục đích phục vụ phòng, chống thảm họa, sự cố.

2. Chính sách tài chính: Tạo thuận lợi về tiếp cận vốn, tín dụng; giảm lãi suất tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn giảm lãi vay; tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; giảm giá bán điện, giảm tiền điện cho các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tình trạng khẩn cấp do thảm họa, sự cố; tạm hoãn tiến hành thủ tục tịch thu nhà, bất động sản của tổ chức, cá nhân khi tổ chức, cá nhân không đủ khả năng trả nợ trong tình trạng khẩn cấp do thảm họa, sự cố.

3. Chính sách về phí, lệ phí: Giảm phí, lệ phí đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi tình trạng khẩn cấp do thảm họa, sự cố; giảm chi phí logistics hàng hải, hàng không, đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt.

4. Cắt giảm thủ tục hành chính trong xuất nhập khẩu, bảo đảm thông quan kịp thời; rút ngắn thời gian xét hoàn thuế, xét duyệt hồ sơ vay vốn; cắt giảm các quy định, điều kiện, thủ tục gây khó khăn, cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh; đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính đối với việc cấp giấy phép hoạt động, giấy phép đầu tư, thủ tục thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, thủ tục mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ, cho phép hoãn, gia hạn thời gian thực hiện thủ tục phá sản.

5. Chính sách, biện pháp đầu tư, kinh doanh: đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh; đẩy mạnh và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường mới trong nước; có cơ chế khuyến khích sản xuất linh kiện, sản phẩm trung gian trong nước thay thế nhập khẩu; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng chính sách ứng phó thảm họa, sự cố để gây khó khăn cho doanh nghiệp.

6. Chính sách về nhân lực, lao động: có phương án hỗ trợ đào tạo lao động phù hợp trong tình trạng khẩn cấp do thảm họa, sự cố; hỗ trợ doanh nghiệp tìm nguồn lao động thay thế trong trường hợp thiếu hụt lao động, chuyên gia nước ngoài; có chính sách hỗ trợ người lao động bị thất nghiệp, mất việc làm do thảm họa, sự cố.

7. Chính sách về xuất nhập cảnh: gia hạn tạm trú cho người nước ngoài, tạo điều kiện tiếp tục công việc khi họ chưa thể trở về nước do thảm họa, sự cố.

8. Đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

CHƯƠNG III

LỰC LƯỢNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 43. Lực lượng phòng thủ dân sự

1. **Lực lượng nòng cốt gồm:** Là lực lượng chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ, Công an nhân dân và các bộ, ngành trung ương, địa phương;
2. **Lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia.**
3. **Lực lượng xã hội hóa gồm** các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực xử lý sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn.

Chính phủ quy định cụ thể lực lượng chuyên trách, lực lượng kiêm nhiệm.

Điều 44. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng chuyên trách phòng thủ dân sự

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch, phương án phòng, chống, khắc phục sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi quản lý của mình.
2. Tổ chức trực 24/24 giờ hàng ngày để tiếp nhận thông tin, xử lý và ứng cứu kịp thời các tình huống thảm họa, sự cố xảy ra trong phạm vi quản lý.
3. Trực tiếp chỉ huy điều hành các lực lượng trực thuộc; tổ chức thực hiện phương án, biện pháp ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự các cấp khi xảy ra tình huống sự cố, thảm họa;
4. Tham gia, phối hợp với lực lượng kiêm nhiệm phòng, chống, khắc phục sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
5. Kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan chỉ đạo, chỉ huy, Ban chỉ đạo phòng thủ dân sự các cấp về tình hình ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.
6. Chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của cơ quan chủ quản; Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự các cấp; chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật trong khi làm nhiệm vụ.
7. Được sử dụng công cụ hỗ trợ, đồng phục, phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo quy định của pháp luật.
8. Tổ chức bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ về phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố cho các tổ chức, cá nhân liên quan.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng kiêm nhiệm phòng thủ dân sự

1. Tham gia bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn.
2. Tham gia, phối hợp với lực lượng chuyên trách trong ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố theo chỉ đạo của cơ quan chỉ đạo, chỉ huy về phòng thủ dân sự.
3. Kịp thời thông tin, báo cáo cơ quan chỉ đạo, chỉ huy về tình hình ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.

Điều 46. Cơ quan chỉ đạo, chỉ huy về phòng thủ dân sự

1. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia, Ban chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.
2. Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành trung ương được thành lập trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương.
3. Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự địa phương được thành lập ở các cấp chính quyền địa phương trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự địa phương.

Điều 47. Tổ chức, nhiệm vụ của Ban chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự

1. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự do Thủ tướng Chính phủ thành lập, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự trên phạm vi cả nước. Ban chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự được sử dụng dấu quốc huy để thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
2. Cơ cấu tổ chức:
 - a) Trưởng ban: Thủ tướng Chính phủ;
 - b) Phó Trưởng ban: Phó Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
 - c) Ủy viên là Bộ trưởng các bộ, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
 - d) Đồng chí Tổng Tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng là ủy viên thường trực.

3. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự là Bộ Quốc phòng.

4. Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự có các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch quốc gia, chính sách, pháp luật về phòng thủ dân sự;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự;

c) Chỉ đạo, điều phối công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn quốc;

d) Quyết định các biện pháp cấp bách, huy động các nguồn lực của các bộ, ngành trung ương, tổ chức, cá nhân để phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn;

đ) Chỉ đạo thống kê số liệu thiệt hại, nhu cầu cứu trợ của các địa phương, bộ, ngành trung ương và đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định các biện pháp và nguồn lực phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cả nước;

e) Kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện các hoạt động phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn.

5. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác, phối hợp của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng thủ dân sự.

Điều 48. Tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy về phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành trung ương

1. Người đứng đầu Bộ, ngành trung ương quyết định thành lập Ban chỉ huy về phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành trung ương.

2. Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương là cơ quan thường trực Ban chỉ huy về phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương. Trường hợp bộ, ngành trung ương không có Ban Chỉ huy quân sự, người đứng đầu bộ, ngành trung ương giao một cơ quan thuộc quyền là cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự.

3. Nhiệm vụ của Ban chỉ huy về phòng thủ dân sự cấp bộ, ngành trung ương bao gồm:

a) Tham mưu giúp người đứng đầu bộ, ngành trung ương thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi quản lý;

b) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương; hướng dẫn, theo dõi các cơ quan, đơn vị thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự;

c) Phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cả nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự;

d) Quyết định các biện pháp cấp bách, huy động theo thẩm quyền các nguồn lực của bộ, ngành trung ương để thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi quản lý và hỗ trợ các địa phương;

đ) Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn.

Điều 49. Tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định thành lập Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh.

Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự.

2. Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh gồm các thành viên sau:

a) Trưởng ban: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Trưởng ban: Một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Phó Trưởng ban thường trực; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh là Tư lệnh);

c) Ủy viên là Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh (nếu có); lãnh đạo các sở, cơ quan có liên quan đến công tác phòng thủ dân sự của địa phương; chỉ huy các cơ quan, đơn vị quân đội, công an trực thuộc các đơn vị đầu mối của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng quân trên địa bàn tỉnh, thành phố.

3. Cơ quan thường trực của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh là Cơ quan quân sự cấp tỉnh.

4. Nhiệm vụ của Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh bao gồm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong phạm vi địa phương quản lý;

b) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương; hướng dẫn, theo dõi các sở, cơ quan, đơn vị thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự;

c) Chỉ đạo xây dựng thế trận phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn của cấp mình và cấp dưới thuộc quyền;

d) Chỉ huy phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi địa phương;

đ) Chỉ đạo việc bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội trong vùng, khu vực xảy ra thảm họa, sự cố;

e) Kiểm tra, đôn đốc các sở, cơ quan, đơn vị tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 50. Tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện.

Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh; chỉ đạo, tổ chức xây dựng thể trạng phòng thủ dân sự và hoạt động phòng, chống, khắc phục sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn của cấp mình và cấp dưới thuộc quyền.

2. Thành viên Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện gồm:

a) Trưởng ban: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Trưởng ban: Một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Phó Trưởng ban thường trực; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

c) Ủy viên là lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác phòng, chống, khắc phục sự cố, thảm họa của địa phương, Đồn trưởng Đồn Biên phòng (nếu có).

3. Cơ quan quân sự cấp huyện là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện

4. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện bao gồm:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi địa phương quản lý;

b) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn của địa phương; hướng dẫn các phòng, cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn;

c) Chỉ huy việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cấp huyện;

d) Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn.

Điều 51. Tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã.

Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự và tìm kiếm cứu nạn cấp xã làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện.

2. Thành viên Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã gồm:

- a) Trưởng ban: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Phó Trưởng ban: Một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Phó Trưởng ban thường trực; Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã; Trưởng Công an cấp xã.

3. Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã sử dụng một số cán bộ chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã làm bộ phận thường trực.

4. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp xã:

- a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong phạm vi địa phương quản lý;
- b) Thực hiện việc truyền phát tin chỉ đạo, chỉ huy phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn của các cấp đến cộng đồng;
- c) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương;
- d) Chỉ huy việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cấp xã;
- đ) Kiểm tra, đôn đốc tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn.

CHƯƠNG IV QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân

1. Hộ gia đình, cá nhân có quyền sau đây:

- a) Tiếp cận thông tin;
- b) Tham gia xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó thảm họa, sự cố;
- c) Tham gia các hoạt động phòng thủ dân sự khi được huy động; được hoàn trả vật tư, phương tiện; nhận tiền công lao động khi tham gia ứng phó khẩn cấp theo lệnh huy động của người có thẩm quyền; nếu bị thương, bị chết được xem xét, hưởng chế độ, chính sách như đối với thương binh, liệt sỹ theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;
- d) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do thảm họa, sự cố theo quy định của pháp luật.

2. Hộ gia đình, cá nhân có nghĩa vụ sau đây:

- a) Chủ động xây dựng, nâng cấp, bảo vệ công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình bảo đảm an toàn trước thảm họa, sự cố hoặc di dời đến nơi an toàn;
- b) Thực hiện kế hoạch phòng, chống thảm họa, sự cố, phương án ứng phó thảm họa, sự cố tại địa phương;
- c) Tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với đặc điểm về nguy cơ thảm họa, sự cố tại địa phương;
- d) Chủ động trang bị thiết bị theo khả năng để tiếp nhận bản tin dự báo, cảnh báo và sự chỉ đạo, hướng dẫn phòng, chống thảm họa, sự cố;
- d) Chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện theo khả năng để phòng, chống thảm họa, sự cố;
- e) Chủ động dự trữ lương thực, nước uống, vật tư và thiết bị xử lý nước, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng dịch theo khả năng để bảo đảm đời sống khi thảm họa, sự cố xảy ra phù hợp với đặc thù tại địa phương;
- g) Chủ phương tiện, tàu thuyền hoạt động trên biển, trên sông phải trang bị đầy đủ phao cứu sinh, thiết bị thông tin, tín hiệu phù hợp; phải cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về vị trí, tình trạng của phương tiện đang hoạt động cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khi thảm họa, sự cố xảy ra; khi gặp tàu thuyền khác bị nạn phải kịp thời cứu hộ, tìm kiếm, cứu nạn, trường hợp vượt quá khả năng phải bằng mọi cách thông báo cho cơ quan tìm kiếm, cứu nạn;
- h) Chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm bảo đảm an toàn cho bản thân và gia đình khi thảm họa, sự cố xảy ra; tham gia hỗ trợ cộng đồng phòng, chống thảm họa, sự cố;
- i) Chấp hành sự hướng dẫn, chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra khỏi hoặc không đi vào khu vực nguy hiểm;
- k) Chấp hành quyết định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ hoạt động ứng phó khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền;
- l) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc sau khi bị tác động của thảm họa, sự cố;
- m) Thông báo đến cơ quan, người có thẩm quyền khi phát hiện sự cố hoặc hành vi gây mất an toàn cho công trình phòng, chống thảm họa, sự cố và tham gia xử lý sự cố công trình trong khả năng của mình;
- n) Cung cấp thông tin về diễn biến thảm họa, sự cố, thiệt hại do thảm họa, sự cố cho cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi nhận biết của mình;
- o) Cá nhân chủ động giúp đỡ người bị thiệt hại do thảm họa, sự cố tại địa phương.

Điều 53. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế

1. Tổ chức kinh tế có quyền sau đây:

a) Được trả công lao động, hoàn trả hoặc bồi thường vật tư, phương tiện, trang thiết bị tham gia ứng phó khẩn cấp thảm họa, sự cố đối với cộng đồng theo lệnh huy động của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Tham gia đầu tư dự án xây dựng công trình phòng thủ dân sự, kết hợp đa mục tiêu theo quy hoạch, kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương và được khai thác lợi ích do việc đầu tư mang lại theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức kinh tế có nghĩa vụ sau đây:

a) Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất của mình và tổ chức sản xuất, kinh doanh bảo đảm an toàn trước thảm họa, sự cố;

b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố;

c) Khi đầu tư xây dựng công trình phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trước rủi ro thảm họa, sự cố; chấp hành quy định về bảo vệ công trình phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố;

d) Tham gia chương trình thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống thảm họa, sự cố; nâng cao kiến thức về phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố; tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thảm họa, sự cố theo kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương;

đ) Chấp hành sự hướng dẫn, chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố;

e) Chấp hành lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ hoạt động ứng phó tình huống khẩn cấp;

g) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý của mình khi bị tác động của thảm họa, sự cố;

h) Tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố tại địa phương trong khả năng của mình.

Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp

1. Cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố có quyền sau đây:

a) Được trả công lao động, hoàn trả hoặc bồi thường vật tư, phương tiện, trang thiết bị tham gia ứng phó khẩn cấp thảm họa, sự cố theo lệnh huy động của cơ quan, người có thẩm quyền;

- b) Tiếp cận thông tin về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố do các cơ quan có thẩm quyền ban hành;
- c) Tham gia xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố, phương án ứng phó thảm họa, sự cố;
- d) Tham gia chương trình thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố; nâng cao kiến thức về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố phù hợp với điều kiện cụ thể;
- đ) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do thảm họa, sự cố theo quy định của Luật này.

2. Cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố có nghĩa vụ sau đây:

- a) Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất thuộc phạm vi quản lý bảo đảm an toàn trước thảm họa, sự cố;
- b) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố;
- c) Tuân thủ quyết định huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động ứng phó thảm họa, sự cố;
- d) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý của mình khi bị tác động của thảm họa, sự cố.

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng thủ dân sự tại Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố tại Việt Nam có quyền sau đây:

- a) Được miễn thuế, lệ phí về nhập khẩu, xuất khẩu đối với phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động cứu trợ khẩn cấp, tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ;
- b) Được ưu tiên về thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh; thủ tục nhập khẩu, xuất khẩu đối với phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa phục vụ hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ;
- c) Được ưu tiên về thủ tục lưu trú.

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố tại Việt Nam có nghĩa vụ sau đây:

- a) Đăng ký hoạt động với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;
- b) Hoạt động đúng mục đích đã đăng ký, tuân thủ pháp luật Việt Nam.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

CHƯƠNG V
NGUỒN LỰC, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI
NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ
Mục 1. NGUỒN LỰC CHO PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 56. Nguồn lực cho phòng thủ dân sự

1. Công dân Việt Nam là nguồn nhân lực chủ yếu của phòng thủ dân sự. Nhà nước có chính sách, kế hoạch xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; ưu tiên thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để bảo đảm cho nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

2. Nguồn tài chính cho phòng thủ dân sự bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố;
- c) Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân;
- d) Nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhà nước bảo đảm ngân sách cho phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ưu tiên đầu tư ở khu vực biên giới, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về phòng thủ dân sự. Tổ chức kinh tế bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

4. Tài sản phục vụ phòng thủ dân sự là tài sản công do Nhà nước thống nhất quản lý và bảo đảm bao gồm:

a) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ bao gồm tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý về quốc phòng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Tài sản trưng mua, trưng dụng, huy động và tài sản khác được Nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng, cơ quan, tổ chức, địa phương quản lý phục vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

5. Nhà nước có kế hoạch xây dựng dự trữ quốc gia để bảo đảm cho phòng thủ dân sự. Việc quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để bảo đảm cho phòng thủ dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

Điều 57. Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố

1. Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách bao gồm Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố do Bộ Tài chính quản lý và Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.

2. Nguồn tài chính của Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố được quy định như sau:

a) Nguồn tài chính của Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố bao gồm hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; điều tiết từ Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các nguồn hợp pháp khác;

b) Nguồn tài chính của Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố cấp tỉnh bao gồm hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; điều tiết từ Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố, giữa các Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác.

3. Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố được sử dụng để hỗ trợ hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động sau đây:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thảm họa, sự cố;

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học;

c) Xử lý vệ sinh môi trường vùng có thảm họa, sự cố.

4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố được quy định như sau:

a) Không vì mục đích lợi nhuận;

b) Quản lý, sử dụng đúng mục đích, đúng pháp luật, kịp thời, hiệu quả, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

5. Chính phủ quy định cụ thể việc thành lập, mức đóng góp, đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán Quỹ Quỹ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thảm họa, sự cố.

MỤC 2. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 58. Chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự

1. Người làm nhiệm vụ trực tại Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp thuộc các bộ, ngành, địa phương được hưởng chế độ hỗ trợ khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Người được huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng trợ cấp; khi ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí, trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết định mức, trình tự, thủ tục và trách nhiệm chi trả chế độ, chính sách cho lực lượng phòng thủ dân sự.

4. Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân, Quân đội nhân dân khi phục vụ tại ngũ được hưởng chế độ ưu đãi phù hợp với tính chất nhiệm vụ, địa bàn hoạt động theo quy định của Chính phủ.

Điều 59. Chế độ, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ, giúp đỡ lực lượng phòng thủ dân sự

1. Cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng phòng thủ dân sự có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Người được huy động tham gia nhiệm vụ phòng thủ dân sự bị thương, hy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có đủ điều kiện, được xem xét công nhận là liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

Điều 60. Bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố

1. Bảo hiểm rủi ro do thảm họa, sự cố là loại hình bảo hiểm cho đối tượng chịu ảnh hưởng của thảm họa, sự cố; thực hiện bồi thường bảo hiểm theo quy định hiện hành hoặc bồi thường dựa trên cấp độ thảm họa, sự cố có liên quan với thiệt hại.

2. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm được thực hiện phù hợp với khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ, thông qua việc hỗ trợ phí bảo hiểm cho một số tổ chức, cá nhân tại khu vực thường xuyên xảy ra thảm họa, sự cố nhằm thực hiện chính sách an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ, bao gồm: hỗ trợ 100% phí bảo hiểm cho hộ gia đình, cá nhân nghèo; hỗ trợ 60% phí bảo hiểm cho hộ gia

đình, cá nhân cận nghèo; hỗ trợ 40% phí bảo hiểm cho hộ gia đình, cá nhân khác; hỗ trợ 20% phí bảo hiểm cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

3. Nguồn kinh phí và cơ chế hỗ trợ: ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và từ đóng góp của đối tượng mua bảo hiểm.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm đáp ứng đủ các điều kiện sau: kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ; đáp ứng khả năng thanh toán theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm; có hệ thống công ty, chi nhánh, văn phòng giao dịch tại khu vực thường xuyên xảy ra thảm họa, sự cố.

CHƯƠNG VI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 61. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự

1. Nội dung quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự:

a) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án về phòng thủ dân sự;

b) Ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về phòng thủ dân sự;

d) Chỉ đạo, điều hành phòng thủ dân sự;

đ) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập, xây dựng lực lượng, trang bị, phương tiện, công trình phòng thủ dân sự;

e) Quy định và hướng dẫn bảo đảm ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự;

g) Thẩm định, phê duyệt các dự án, thiết kế và nghiệm thu công trình xây dựng về phòng thủ dân sự; kiểm định và chứng nhận các điều kiện an toàn về phương tiện và an toàn phòng thủ dân sự;

h) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng thủ dân sự;

i) Hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự;

k) Kiểm tra, thanh tra nhà nước về phòng thủ dân sự;

l) Tổ chức thống kê nhà nước về phòng thủ dân sự;

m) Sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm về phòng thủ dân sự.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự;

b) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý thống nhất về phòng thủ dân sự;

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố thuộc phạm vi lĩnh vực quản lý của mình;

d) Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả của thảm họa, sự cố xảy ra trên địa bàn quản lý.

Điều 62. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự.

2. Bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự và tổ chức bộ máy của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng kế hoạch, bảo đảm ngân sách và bảo đảm phương tiện, vật tư thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước; thẩm định kế hoạch phòng thủ dân sự của các bộ, ngành trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành trung ương có liên quan xây dựng chương trình, nội dung tuyên truyền giáo dục, huấn luyện, diễn tập, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng nòng cốt, cán bộ, đảng viên, công chức, học sinh, sinh viên, học viên và toàn dân trên lĩnh vực được phân công.

5. Chỉ đạo các Quân khu: Hướng dẫn chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương các cấp là cơ quan thường trực, chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện công tác phòng thủ dân sự trên lĩnh vực được phân công.

6. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương chỉ đạo xây dựng các công trình phòng, chống chiến tranh, ứng phó thảm họa, sự cố, tìm kiếm cứu nạn; chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng thuộc quyền làm nhiệm vụ khi có chiến tranh, ứng phó thảm họa, sự cố, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

7. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công an, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan xây dựng Kế hoạch cấp quốc gia; ứng phó thảm họa động đất, sóng thần; sự cố tràn dầu.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành trung ương có liên quan thẩm định kế hoạch xây dựng các công trình đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự.

9. Tổ chức việc nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng thủ dân sự.

10. Thực hiện nhiệm vụ là đầu mối hợp tác quốc tế ứng phó thảm họa, sự cố và tìm kiếm cứu nạn. Trình Chính phủ về việc tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế về hoạt động phòng thủ dân sự; thực hiện các hoạt động quốc tế liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự theo thẩm quyền.

11. Giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thống kê, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng công tác phòng thủ dân sự trên lĩnh vực được phân công.

Điều 63. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan và chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng, khu vực xảy ra thảm họa, sự cố.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng Kế hoạch cấp quốc gia ứng phó sự cố cháy lớn nhà cao tầng, khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư; quản lý và sử dụng lực lượng Công an chuyên trách làm nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

4. Chỉ đạo lực lượng Công an xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự; phối hợp với các lực lượng vũ trang và đơn vị liên quan tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng, ứng phó thảm họa, sự cố, tìm kiếm cứu nạn theo quy định.

5. Chủ trì nghiên cứu âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chống đối lợi dụng thảm họa, sự cố để kích động chống phá; trao đổi thông tin cho các bộ, ngành trung ương, địa phương tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nhận thức, phòng tránh.

Điều 64. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm nhẹ hậu quả thảm họa, sự cố do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Công Thương, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Ngoại giao và các bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch cấp quốc gia: ứng phó sự cố vỡ đê, hồ, đập; sự cố cháy rừng; bão, áp thấp, lũ, lụt; lũ quét, lũ ống, sạt, lở đất đá và các loại hình thiên tai khác.

3. Phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng kế hoạch và thực hiện việc bảo đảm an ninh nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và phát triển nông thôn đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự.

Điều 65. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành trung ương có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và triển khai các kế hoạch, phương án về sử dụng hạ tầng giao thông, các trang thiết bị, phương tiện, vật tư vận tải trong phạm vi phụ trách để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự. Khi xảy ra thảm họa, sự cố, chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức lực lượng, phương tiện sơ tán nhân dân, tìm kiếm cứu nạn theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Y tế, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch cấp quốc gia: Ứng phó tai nạn tàu, thuyền trên biển; tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa đặc biệt nghiêm trọng; tai nạn máy bay xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam. Triển khai kế hoạch, phương án sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư thực hiện nhiệm vụ ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; điều hành các đội tìm kiếm cứu nạn thuộc ngành Giao thông vận tải; khi xảy ra sự cố chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tổ chức các đội vận tải để sơ tán nhân dân, phương tiện đến khu vực an toàn, tiếp tế hậu cần, chuyển thương.

3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao chỉ đạo chuyên ngành Hàng hải, Hàng không trong việc cấp phép và phối hợp với lực lượng, phương tiện của nước ngoài thực hiện tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra thảm họa, sự cố.

Điều 66. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng ngân sách thực hiện công tác phòng thủ dân sự; phối hợp với các

bộ, ngành trung ương, địa phương liên quan bảo đảm ngân sách cho thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

2. Tổ chức điều hành việc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất cấp kịp thời, đầy đủ hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác phòng thủ dân sự khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

Điều 67. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan ban hành các văn bản hướng dẫn quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng các công trình, xây dựng tầng hầm thuộc các nhà cao tầng, dự án đầu tư theo các yêu cầu về phòng thủ dân sự.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các bộ, ngành, địa phương có liên quan xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố sập đổ công trình xây dựng.

3. Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc quyền phối hợp với các địa phương trên địa bàn đứng chân tổ chức các đội ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố.

4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng dự án công trình phòng thủ dân sự ở từng cấp, từng địa phương đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và các bộ, ngành trung ương có liên quan thẩm định các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, bảo đảm sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự trong thời bình và thời chiến; cân đối ngân sách đầu tư phát triển trong dự toán ngân sách hàng năm để đảm bảo các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 69. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các địa phương, các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ về xây dựng, huấn luyện lực lượng huy động ngành y tế.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng quy hoạch hệ thống các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y khu vực biên giới, trên biển, đảo, tăng cường năng lực hệ thống y tế phòng thủ dân sự.

3. Phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh tối nguy hiểm trong tình huống thảm họa, sự cố.

4. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất chủ trương đầu tư cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y khu vực biên giới, trên biển, đảo theo quy định pháp luật.

Điều 70. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố về môi trường. Chỉ đạo và điều phối việc tổ chức kiểm tra, xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn liên tỉnh, liên quốc gia, hướng dẫn việc xác định thiệt hại và việc tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành trung ương có liên quan xây dựng trung tâm nghiên cứu, hệ thống dự báo, cảnh báo thảm họa, sự cố do thiên nhiên, môi trường liên quan đến phòng thủ dân sự.

a) Tổ chức thực hiện các hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn;

b) Chỉ đạo thực hiện dự báo, cảnh báo, cung cấp đầy đủ, kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo sự cố, thiên tai liên quan đến khí tượng, thủy văn, hải văn cho Ban chỉ đạo quốc gia về phòng thủ dân sự, các bộ, ngành, địa phương và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Điều 71. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan thống nhất quy định các tần số trực canh, cấp cứu khẩn cấp, xây dựng kế hoạch bảo đảm quyền ưu tiên sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực về phòng thủ dân sự.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng mạng thông tin liên lạc, thông báo, báo động giữa các đài quan sát, trạm quan sát, trung tâm nghiên cứu với cơ quan thường trực phòng thủ dân sự các cấp theo quy định.

3. Phối hợp với Bộ Công an tuyên truyền cho nhân dân nhận thức, cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chống đối lợi dụng thảm họa, sự cố để kích động chống phá.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền, các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông huy động lực lượng, phương tiện của ngành tham gia bảo đảm an

toàn, an ninh mạng, thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ phòng thủ dân sự; sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng tiến hành tuyên truyền, giáo dục về phòng thủ dân sự cho toàn dân theo quy định.

Điều 72. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, khai thác điện nguyên tử, khoáng sản, hóa chất độc hại, vật liệu nổ công nghiệp để hạn chế nguy cơ xảy ra thảm họa, sự cố trong lĩnh vực công nghiệp; quản lý chặt chẽ việc xuất nhập khẩu các loại hóa chất độc hại, gây nguy hiểm.
2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan chỉ đạo và hướng dẫn việc xử lý các vụ nổ, sập hầm lò ở các cơ sở sản xuất, khai thác điện nguyên tử, than, dầu mỏ, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan xây dựng Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn dầu, khí, sự cố sập đổ hầm lò khai thác khoáng sản, ứng phó sự cố hóa chất độc; hướng dẫn các địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và chuẩn bị lực lượng, phương tiện thực hiện ứng phó sự cố tràn dầu, sự cố hóa chất độc theo quy định.
4. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch dự trữ nguồn năng lượng để duy trì các hoạt động quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và phục vụ nhiệm vụ phòng thủ dân sự.
5. Ôn định giá cả thị trường, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trong vùng xảy ra thảm họa và khi có chiến tranh.

Điều 73. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Quốc phòng, Công an, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân.

Điều 74. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, thuộc quyền triển khai các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự vào nội dung phổ biến giáo dục pháp luật cho công chức, viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, người học thuộc giáo dục nghề nghiệp.
2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự khi huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 75. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Chỉ đạo các cơ quan thuộc quyền, các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, phối hợp với các nước, các tổ chức quốc tế tìm kiếm cứu nạn đối với người, phương tiện của các tổ chức, cá nhân Việt Nam gặp nạn khi hoạt động trên vùng biển nước ngoài và vùng biển quốc tế, bao gồm cả vùng tìm kiếm cứu nạn hàng hải, hàng không.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương chức năng thông qua đường ngoại giao, đề nghị các cơ quan chức năng nước ngoài giúp đỡ tổ chức tìm kiếm cứu nạn người, phương tiện của Việt Nam bị nạn; làm các thủ tục cần thiết và giải quyết các vấn đề phát sinh để đưa người, phương tiện về nước.

3. Phối hợp, hướng dẫn tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ người và phương tiện nước ngoài gặp thảm họa, sự cố trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Hướng dẫn các bộ, ngành trung ương, địa phương, lực lượng chức năng thường xuyên tăng cường hợp tác quốc tế để phát huy sức mạnh toàn diện của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong phòng thủ dân sự.

Điều 76. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thuộc quyền, cơ sở giáo dục triển khai các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự vào nội dung phổ biến giáo dục pháp luật cho công chức, viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, người học thuộc giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm.

2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng, tổ chức đào tạo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 77. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành trung ương, cơ quan liên quan ban hành và trình cấp có thẩm quyền các văn bản pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công.

2. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền về nội dung, biện pháp phòng thủ dân sự.

3. Xây dựng, ban hành kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương sau khi có ý kiến của Bộ Quốc phòng.

4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức thực hiện kế hoạch, biện pháp phòng thủ dân sự trên lĩnh vực được phân công phụ trách. Đồng thời chỉ đạo kịp thời việc tổ chức lực lượng, phương tiện của mình làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo lệnh điều động của cấp có thẩm quyền.

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng tiến hành thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác phòng thủ dân sự.

Điều 78. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Quyết định biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định chủ trương, biện pháp nhằm phát huy tiềm năng của địa phương để xây dựng phòng thủ dân sự vững mạnh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện.

3. Quyết định chủ trương, biện pháp xây dựng lực lượng phòng thủ dân sự.
4. Quyết định ngân sách bảo đảm cho hoạt động phòng thủ dân sự của địa phương.
5. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về phòng thủ dân sự ở địa phương.
6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật. Nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân cấp xã.

Điều 79. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:
 - a) Ban hành các văn bản hướng dẫn về phòng thủ dân sự ở địa phương theo thẩm quyền; chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự;
 - b) Chỉ đạo giáo dục, tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức người lao động, nhân dân tham gia phòng thủ dân sự; nâng cao ý thức cảnh giác cho các tầng lớp nhân dân tại địa phương, đặc biệt là ở những vùng sâu, xa về nguy cơ và cách phòng tránh thảm họa, sự cố để giảm thiểu tối đa thiệt hại cho nhân dân;
 - c) Bố trí ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự và đầu tư trang bị phương tiện phòng thủ dân sự;
 - d) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự, kế hoạch xây dựng thế trận phòng thủ dân sự của địa phương và triển khai thực hiện các kế hoạch. Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư của địa phương, của các cơ quan, tổ chức trung ương hoạt động tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo sự chỉ đạo của cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên;
 - đ) Chỉ đạo tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện và diễn tập về phòng thủ dân sự cho các lực lượng thuộc quyền;
 - e) Tổ chức các lực lượng thuộc quyền thực hiện các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, bảo vệ nhân dân khi có chiến tranh;
 - g) Kiến nghị với các cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên để huy động lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành trung ương, địa phương khác phối hợp thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp mình;
 - h) Thực hiện chế độ, chính sách bảo đảm cho công tác phòng thủ dân sự;
 - i) Chỉ đạo và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo, khen thưởng về phòng thủ dân sự ở địa phương;

k) Thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên, Chính phủ và Bộ Quốc phòng về phòng thủ dân sự;

l) Nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự tại địa phương; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng thủ dân sự;

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng thủ dân sự cho các tổ, đội làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự; xây dựng phong trào quần chúng phòng thủ dân sự;

c) Bảo đảm ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự; trang bị phương tiện phòng thủ dân sự;

d) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên tổng hợp, chỉ đạo và thực hiện kế hoạch, phương án huy động lực lượng, phương tiện, vật tư của địa phương, của các cơ quan, tổ chức hoạt động tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện;

d) Tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện và diễn tập về phòng thủ dân sự theo quy định; thực hiện các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, bảo vệ nhân dân khi có chiến tranh;

e) Kiến nghị với Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp huyện để huy động lực lượng, phương tiện của các cơ quan, tổ chức khác phối hợp thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp mình;

g) Thực hiện chế độ, chính sách bảo đảm cho công tác phòng thủ dân sự;

h) Thực hiện công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo, khen thưởng về phòng thủ dân sự ở địa phương;

i) Thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về phòng thủ dân sự.

Điều 80. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng và cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về phòng thủ dân sự; giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng thủ dân sự của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 81. Kiểm tra, thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự

1. Trách nhiệm kiểm tra:
2. Chế độ kiểm tra gồm: Kiểm tra thường xuyên (hằng tháng, quý, 6 tháng, năm); kiểm tra đột xuất.
3. Nội dung kiểm tra: Việc quán triệt, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; kết quả chỉ đạo, thực hiện các kế hoạch, chế độ báo cáo, thông báo tình hình, kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ, công tác bảo đảm ngân sách hoạt động thường xuyên, đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, chế độ, chính sách về phòng thủ dân sự.

Điều 82. Xử lý vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự

1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức vi phạm pháp luật về phòng thủ dân sự thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 83. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20.....

Điều 84. Điều khoản chuyển tiếp

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 20.....

đến năm 1954 là 100.000 ha, sau đó tăng nhanh, đến năm 1960 là 150.000 ha, năm 1965 là 200.000 ha, năm 1970 là 250.000 ha, năm 1975 là 300.000 ha, năm 1980 là 350.000 ha, năm 1985 là 400.000 ha, năm 1990 là 450.000 ha, năm 1995 là 500.000 ha, năm 2000 là 550.000 ha, năm 2005 là 600.000 ha, năm 2010 là 650.000 ha, năm 2015 là 700.000 ha, năm 2020 là 750.000 ha, năm 2025 là 800.000 ha, năm 2030 là 850.000 ha, năm 2035 là 900.000 ha, năm 2040 là 950.000 ha, năm 2045 là 1.000.000 ha.

Đến năm 2050, diện tích rừng sẽ đạt 1.050.000 ha, năm 2060 là 1.100.000 ha, năm 2070 là 1.150.000 ha, năm 2080 là 1.200.000 ha, năm 2090 là 1.250.000 ha, năm 2100 là 1.300.000 ha.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.

Đến năm 2100, diện tích rừng sẽ đạt 1.300.000 ha, sau đó không tăng thêm.